SỞ Y TẾ HƯNG YÊN
CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM

Số: 231/QĐ-ATTP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hưng Yên, ngày 05 tháng 11 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp giấy Tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm

CHI CỤC TRƯỞNG CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM

Căn cứ Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12;

Căn cứ Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;

Căn cứ Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế;

Căn cứ Biên bản số 12/BB-ATTP ngày 3/11/2021 của Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm Hưng Yên về việc thẩm định, soát xét, đánh giá hồ sơ đăng ký bản công bố sản phẩm;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng, Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp giấy Tiếp nhận đăng ký Bản công bố sản phẩm đối với 21 sản phẩm thực phẩm của Công ty cổ phần dinh dưỡng y học BIO ORGANIC. Địa chỉ: Thôn Đỗ My, xã Bãi Sậy, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên *(Có giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm kèm theo).*

Điều 2. Văn Phòng có trách nhiệm bàn giao hồ sơ, cán bộ lưu giữ và quản lý hồ sơ cấp giấy Tiếp nhận đăng ký Bản công bố sản phẩm theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Văn phòng, cán bộ lưu giữ và quản lý hồ sơ Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm và cơ sở thực phẩm có tên tại Điều 1 có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, VP.

CHI CỤC TRƯỞNG

CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM

Đỗ Mạnh Hùng

SỞ Y TẾ HƯNG YÊN
CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hưng Yên, ngày 05 tháng 11 năm 2021

GIẤY TIẾP NHẬN ĐĂNG KÝ BẢN CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 72/2021/ĐKSP

Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm tỉnh Hưng Yên xác nhận đã nhận Bản công bố sản phẩm của:

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty cổ phần dinh dưỡng y học BIO ORGANIC.

Địa chỉ: Thôn Đỗ My, xã Bãi Sậy, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên.

Điện thoại: 0389948784

Cho sản phẩm: Thực phẩm bổ sung Blend Kids Clostrum Ensure.

Do Công ty cổ phần tập đoàn MEDILIFE VIỆT NAM. Địa chỉ: Khu Bến Hàn, xã An Thượng, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương sản xuất.

Sản xuất, phù hợp quy chuẩn kỹ thuật/quy định/tiêu chuẩn: QCVN 8-1:2011/BYT ngày 13/01/2011 của Bộ Y tế "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm"; QCVN 8-2:2011/BYT ngày 13/01/2011 của Bộ Y tế "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm"; QCVN 8-3:2012/BYT "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm; Tiêu chuẩn nhà sản xuất số 21- Blend Kids Clostrum Ensure/2021-TCSX-Medilife.

Doanh nghiệp phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính phù hợp của sản phẩm đã công bố./.

Nơi nhận:
- Tổ chức, cá nhân;
- Website: *antoanthuephamhungyen.vn*;
- Lưu trữ: VP./.

CHI CỤC TRƯỞNG

CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM TỈNH HƯNG YÊN

Đỗ Mạnh Hùng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: **21 – Blend Kids Colostrum Ensure /2021**

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân công bố sản phẩm

Tên tổ chức : **CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG Y HỌC BIO ORGANIC**
Địa chỉ : Thôn Đỗ Mỹ, xã Bãi Sậy, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
Điện thoại: 0389948784
E-mail :
Mã số doanh nghiệp: 0108117821 Sở Kế hoạch và đầu tư Hưng Yên cấp ngày 09/9/2021

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: Thực phẩm bổ sung Blend Kids Colostrum Ensure (Dinh dưỡng dành cho người già, người từ 18 tuổi trở lên)

2. Thành phần:

Sữa bột béo, đạm whey cô đặc, đường (Dextrose, Maltodextrin, Sucrose), HMO (2'Facosyllactose), Lysine, Chất xơ hòa tan (FOS), Mufa, Pufa, Omega 3, Omega 6, Beta-glucan, Sữa non, Taurine. Các Vitamin A, Vitamin D3, Vitamin E, Vitamin C, Vitamin K2 (MK7), Vitamin B12, Vitamin B1, Vitamin B2, Vitamin B3, Vitamin B5, Vitamin B6, Axit Folic, Biotin. Khoáng chất (Canxi carbonat, Canxi Aquamin F (32%), Photpho Photphate, Magie phosphate, Sắt sulphate, kẽm sulphate, Mangan sulphate, Kali iodua, Clorid, Natri selenit). Hương liệu tổng hợp dùng trong thực phẩm (Sữa và Vani). Nguyên liệu Đạm Whey cô đặc nhập khẩu từ Mỹ.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 24 tháng kể từ ngày sản xuất.
Ngày sản xuất và hạn sử dụng in trên vỏ bao bì. Không sử dụng quá 4 tuần kể từ ngày mở nắp hộp.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

4.1. Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng gói trong lon, hộp thiếc hoặc túi giấy tráng bạc, thìa nhựa đảm bảo yêu cầu vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

4.2. Quy cách đóng gói: Khối lượng tịnh: 350g/hộp, 400g/hộp, 500g/hộp, 550g/hộp, 700g/hộp, 800g/hộp, 850g/hộp, 900g/hộp

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

- Sản xuất tại: **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MEDILIFE VIỆT NAM.**
- Địa điểm: Khu Bến Hàn, xã An Thượng, tỉnh Hải Dương, Tp Hải Dương
- Điện thoại: 0981.886.555 Fax:.....
- Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 120/2019/ATTP-ĐKCN
- Ngày cấp/Nơi cấp: 31/10/2019, Nơi cấp: Chi Cục an toàn vệ sinh thực phẩm – Tỉnh Hải Dương.

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Công ty cổ phần dinh dưỡng y học Bio Organic sản xuất, kinh doanh **Thực phẩm bổ sung Blend Kids Colostrum Ensure** (Dinh dưỡng dành cho người già, người từ 18 tuổi trở lên) đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo:

- Luật An toàn thực phẩm năm 2010.
- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật An toàn thực phẩm 2010.
- Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định về nhãn hàng hóa.
- Văn bản hợp nhất số 02/VBHN-BYT ngày 15 tháng 06 năm 2015 của Bộ Y tế về hướng dẫn việc quản lý phụ gia thực phẩm.
- QCVN 8-2:2011/BYT ngày 13/01/2011 của Bộ Y tế "Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm".
- QCVN 8-3:2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.
- Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT ngày 19/12/2007 của Bộ Y tế về quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hoá học trong thực phẩm.
- Tiêu chuẩn nhà sản xuất Số: 21– Blend Kids Colostrum Ensure/2021-TCSX-Medilife.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố và chỉ đưa sản phẩm vào sản xuất, kinh doanh khi đã được cấp Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm./.

Hưng Yên, ngày 18 tháng 10 năm 2021

Đại diện tổ chức, cá nhân

CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG Y HỌC BIO ORGANIC

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Anh Phương

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MEDILIFE VIỆT NAM

BẢN TIÊU CHUẨN CỦA NHÀ SẢN XUẤT

Số: **21– Blend Kids Colostrum Ensure /2021-TCSX-Medilife**

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MEDILIFE VIỆT NAM
Địa điểm: Khu Bến Hàn, xã An Thượng, tỉnh Hải Dương, Tp Hải Dương
Điện thoại: 0981.886.555 Fax:.....

1. **Sản phẩm: Thực phẩm bổ sung Blend Kids Colostrum Ensure** (Dinh dưỡng dành cho người già, người từ 18 tuổi trở lên)

2. Chỉ tiêu cảm quan:

STT	Tên chỉ tiêu	Yêu cầu
1	Trạng thái	Dạng bột, đồng nhất, không vón cục
2	Màu sắc	Màu trắng sữa đến màu vàng nhạt đặc trưng sản phẩm
3	Mùi vị	Thơm, ngọt, đặc trưng của sản phẩm

3. Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:

Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Trong 100g
Năng lượng	Kcal/100g	474,86 ± 10%
Chất đạm	g/100g	10,42 ± 10%
Năng lượng từ Chất đạm	Kcal/100g	41,68 ± 10%
Chất đường bột	g/100g	63,34 ± 10%
Năng lượng từ Chất đường bột	Kcal/100g	253,36 ± 10%
Chất béo	g/100g	19,98 ± 10%
Năng lượng từ chất béo	Kcal/100g	179,82 ± 10%
Chất xơ hoà tan (FOS)	g/100g	1,15 ± 10%
HMO (2' – Fucosyllactose)	mcg/100g	100 ± 10%

Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Trong 100g
MUFA	g/100g	4,52 ± 10%
PUFA	g/100g	3,45 ± 10%
Omega 3	mg/100g	5,4 ± 10%
Omega 6	mg/100g	23,4 ± 10%
Lysine	mg/100g	500 ± 10%
Beta - glucan	mg/100g	20,85 ± 10%
Sữa non	mcg/100g	5000 ± 10%
Taurine	mg/100g	27 ± 10%
Vitamin A	IU/100g	990 ± 20%
Vitamin D3	IU/100g	180 ± 20%
Vitamin E	IU/100g	20 ± 20%
Vitamin C	mg/100g	26 ± 20%
Vitamin K2 (MK7)	mcg/100g	16 ± 20%
Vitamin B1	mcg/100g	220 ± 20%
Vitamin B2	mcg/100g	330 ± 20%
Vitamin B5	mcg/100g	1450 ± 20%
Vitamin B6	mcg/100g	330 ± 20%
Vitamin B12	mcg/100g	0,8 ± 20%
Vitamin B3	mg/100g	4,5 ± 20%
Axit Folic	mcg/100g	130 ± 20%
Biotin	mcg/100g	13 ± 20%
Canxi	mg/100g	300 ± 20%
.Photpho	mg/100g	290 ± 20%
Magie	mg/100g	48 ± 20%
Sắt	mg/100g	5,9± 20%
Kẽm	mg/100g	3,2 ± 20%
Mangan	mcg/100g	4,75 ± 20%
Selen	mcg/100g	17 ± 20%
Natri	mg/100g	180 ± 20%

Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Trong 100g
Kali	mg/100g	390 ± 20%
Clorid	mg/100g	220 ± 20%
I-ốt	mcg/100g	82 ± 20%

Hàm lượng vitamin và khoáng chất không vượt quá mức cho phép của Phụ lục số 02. Ngưỡng dung nạp tối đa (Ban hành kèm theo thông tư 43/2014/TT-BYT ngày 24 tháng 11 năm 2014 của Bộ Y tế).

4. Chỉ tiêu an toàn

4.1. Giới hạn về ô nhiễm sinh học và hoá học trong thực phẩm

Quyết định 46/2007/QĐ-BYT: QĐ về việc ban hành "Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hoá học trong thực phẩm"

STT	*Tên chỉ tiêu*	*Đơn vị tính*	*Mức tối đa*
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	5×10^5
2	Coliforms	CFU/g	10
3	B.cereus	CFU/g	10^2
4	E.Coli	CFU/g	Không có (hoặc < 3MNP)
5	S.aureus	CFU/g	10
6	Salmonella.spp	/25g	Không có

4.2. Giới hạn kim loại nặng

Theo QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

STT	*Tên chỉ tiêu*	*Đơn vị tính*	*Mức tối đa*
1	Thiếc (Sn)	mg/kg	250
2	Cadmi (Cd)	mg/kg	1
3	Chì (Pb)	mg/kg	0.02
4	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	0.05
5	Arsen (As)	mg/kg	0.5

1.1. Giới hạn về về độc tố vi nấm

Theo QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn về độc tố vi nấm trong thực phẩm (Theo nhóm thức ăn công thức/ Thức ăn dành cho trẻ dưới 36 tháng tuổi)

STT	*Tên chỉ tiêu*	*Đơn vị tính*	*Mức tối đa*
1	Aflatoxin M1	µg/kg	0.025
2	Patuli	µg/kg	10
3	Fumonisin	µg/kg	200
4	Aflatoxin B1	µg/kg	0.1
5	Deoxynivalenol	µg/kg	200
6	Zearalenone	µg/kg	20
7	Ochratoxin A	µg/kg	0.5

4.3. Giới hạn về Melamin

Theo 38/2008/QĐ-BYT: Quy định mức giới hạn tối đa melamin nhiễm chéo trong thực phẩm.

STT	*Tên chỉ tiêu*	*Đơn vị tính*	*Mức tối đa*
1	Melamin	mg/kg	2.5

4.4. Các tiêu chí khác

- Dư lượng thuốc thú y: Phù hợp với quy định dư lượng thuốc thú y trong thực phẩm theo Thông tư 24/2013/TT-BYT ngày 14 tháng 08 năm 2013 của Bộ Y tế.
- Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật: Phù hợp với quy định giới hạn dư lượng thuốc tối đa bảo vệ thực vật tròn thực phẩm theo Thông tư 50/2016/TT-BYT ngày 30/12/2016 của Bộ Y tế.

5. **Hướng dẫn sử dụng:**

Công dụng:

- Phòng ngừa loãng xương, giúp xương khớp chắc khỏe.
- Giúp phục hồi sau phẫu thuật, tăng cường sức đề kháng cho người mới ốm dậy, người sau ốm, người bị suy nhược cơ thể.
- Tốt cho tim mạch.
- Bổ sung cho chế độ ăn thiếu đạm và vi chất dinh dưỡng, giúp duy trì sức khỏe tổng thể.

Đối tượng sử dụng:

Sản phẩm dinh dưỡng dành cho người già, người từ 18 tuổi trở lên.

Cách pha:

Một muỗng gạt ngang (tương đương 9.8gram) pha với 50ml nước

1. Pha ở nơi sạch sẽ. Rửa tay và dụng cụ pha thật sạch sẽ, đun sôi dụng cụ pha trong vòng 5 phút.
2. Đun sôi nước sạch trong 5 phút, để nguội dần xuống 40 độ C trước khi pha.
3. Pha theo bảng hướng dẫn và sử dụng muỗng lường có sẵn trong lon.
4. Đậy nắp, lắc đều dụng cụ để tan hoàn toàn. Để nguội đến nhiệt độ thích hợp rồi sử dụng.

Lượng bột (Thìa)	Lượng nước (ml)	Số lần/ngày
4	200	4

Thận trọng: pha xong dùng ngay. Hỗn hợp sau khi pha sử dụng hết trong vòng 1 giờ. Đổ bỏ phần thừa sau mỗi lần uống.

6. **Hướng dẫn sử dụng:**

Bảo quản sản phẩm ở nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Không bảo quản sản phẩm trong tủ lạnh.

7. **Thời hạn sử dụng;** 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

Ngày sản xuất và hạn sử dụng in trên vỏ bao bì. Không sử dụng quá 4 tuần kể từ ngày mở nắp hộp.

8. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

8.1 Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng gói trong lon, hộp thiếc hoặc túi giấy tráng bạc, thìa nhựa đảm bảo yêu cầu vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

8.2 Quy cách đóng gói: Khối lượng tịnh: 350g/hộp, 400g/hộp, 500g/hộp, 550g/hộp, 700g/hộp, 800g/hộp, 850g/hộp, 900g/hộp

Hải Dương, ngày 04 tháng 10 năm 2021

Đại diện tổ chức, cá nhân

M.S.D.N: 0801294383 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MEDILIFE VIỆT NAM
TP. HẢI DƯƠNG - T. HẢI DƯƠNG

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
KIÊM GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Tiêu

399 x 162 (399 x 155) cm

BẢNG THÔNG TIN DINH DƯỠNG / NUTRITION FACTS

Năng lượng	Kcal/100g	474,84
Chất đạm	g/100g	15,42
Năng lượng từ chất béo	Kcal/100g	41,04
Chất béo	g/100g	43,34
Năng lượng từ carbohydrate	Kcal/100g	334,44
Carbohydrate	g/100g	13,44
Năng lượng từ chất béo	Kcal/100g	1.794,62
Chất xơ hòa tan (FOS)	g/100g	1,72
HMO (2'-Fucosyllactose)	mg/100g	180
Beta-glucan	mg/100g	20,83
Sữa non	mg/100g	5000
Taurine	mg/100g	21
Muối	g/100g	0,72
Xylitol	g/100g	3,40
Omega 3	mg/100g	5,4
Omega 6	mg/100g	21,4
Lysine	mg/100g	1300
VITAMIN		
Vitamin A	IU/100g	900
Vitamin D3	IU/100g	180
Vitamin E	IU/100g	20
Vitamin C	mg/100g	35
Vitamin K2 (MK7)	mcg/100g	70
Vitamin B1	mcg/100g	220
Vitamin B2	mcg/100g	230
Vitamin B3	mcg/100g	1400
Vitamin B5	mcg/100g	700
Vitamin B6	mcg/100g	270
Vitamin B12	mcg/100g	0,9
Vitamin B7	mcg/100g	4,3
Axit folic	mcg/100g	140
Biotin	mcg/100g	10
KHOÁNG CHẤT		
Canxi	mg/100g	800
Canxi Aquamin F (32%)	mg/100g	22
Phosphor	mg/100g	260
Magie	mg/100g	90
Sắt	mg/100g	5,9
Kẽm	mg/100g	5,2
Mangan	mg/100g	0,75
Selen	mcg/100g	17
Natri	mg/100g	180
Kali	mg/100g	390
Clorid	mg/100g	220
Iod	mcg/100g	82

Total energy	Kcal/100g	474,84
Protein	g/100g	15,42
Energy from protein	Kcal/100g	41,04
Carbohydrate	g/100g	43,34
Energy from carbohydrate	Kcal/100g	334,44
Lipid	g/100g	13,44
Energy from fat	Kcal/100g	1.794,62
Fiber (FOS) - Inulin 2	g/100g	1,72
HMO (2'-Fucosyllactose)	mg/100g	180
Beta-glucan	mg/100g	20,83
Colostrum	mg/100g	5000
Taurine	mg/100g	21
Muối	g/100g	0,72
Xylitol	g/100g	3,40
Omega 3	mg/100g	5,4
Omega 6	mg/100g	21,4
Lysine	mg/100g	1300
VITAMIN		
Vitamin A	IU/100g	900
Vitamin D3	IU/100g	180
Vitamin E	IU/100g	20
Vitamin C	mg/100g	35
Vitamin K2 (MK7)	mcg/100g	70
Vitamin B1	mcg/100g	220
Vitamin B2	mcg/100g	230
Vitamin B3	mcg/100g	1400
Vitamin B5	mcg/100g	700
Vitamin B6	mcg/100g	270
Vitamin B12	mcg/100g	0,9
Vitamin B7	mcg/100g	4,3
Axit folic	mcg/100g	140
Biotin	mcg/100g	10
MINERALS		
Calcium	mg/100g	800
Calci Aquamin F (32%)	mg/100g	22
Phosphorus	mg/100g	260
Magie	mg/100g	90
Iron	mg/100g	5,9
Zinc	mg/100g	5,2
Manganese	mg/100g	0,75
Selenium	mcg/100g	17
Sodium	mg/100g	180
Kali	mg/100g	390
Clorid	mg/100g	220
Iodine	mcg/100g	82

Chỉ tiêu dinh dưỡng đạt tối thiểu 80% giá trị ghi trên nhãn

NGUYÊN LIỆU SẢM WHEY CÔ ĐẶC NHẬP KHẨU TỪ MỸ

Thực phẩm bổ sung

COLOSTRUM

Blend Kids

Ensure

GIÚP HỒI PHỤC SỨC KHỎE TRƯỚC VÀ SAU PHẪU THUẬT

Helps to recover before and after surgery

Colostrum
DHA, HMO
Protein-Lysine

USA

THÀNH PHẦN

Sữa bột béo, đạm whey cô đặc, đường Dextrose, Maltodextrin, Sucrose), HMO (2'Fucosyllactose), Lactose, Chất xơ hòa tan (FOS), Muối, Pha, Omega 3, Omega 6, Beta glucan, Sữa non, Taurine, Các Vitamin A, Vitamin D3, Vitamin E, Vitamin C, Vitamin K2 (MK7), Vitamin B12, Vitamin B1, Vitamin B2, Vitamin B3, Vitamin B5, Vitamin B6, Axit Folic, Biotin, Khoáng chất, (Canxi carbonic, Calci Aquamin F (32%)) Phosphor Photphate, Magie phosphate, Sắt sulphate, kẽm sulphate, Mangan sulphate, Kali iodua, (Selen, Natri selenic), Hương liệu (Dùng hợp dụng trong thực phẩm (Sữa và Yến), Nguyên liệu Sảm Whey cô đặc nhập khẩu từ Mỹ.

CÔNG DỤNG

- Phòng ngừa suy xương, giúp xương khớp chắc khỏe
- Giúp phục hồi sau phẫu thuật, tăng cường sức đề kháng cho người mới ốm dậy, người sau ốm, người bị suy nhược cơ thể.
- Tốt cho tim mạch.
- Bổ sung cho chế độ ăn thiếu đạm và vi chất dinh dưỡng, giúp duy trì sức khỏe tổng thể.

ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG

Sản phẩm dinh dưỡng dành cho người già, người từ 18 tuổi trở lên.

THỜI GIAN SỬ DỤNG

- 24 tháng kể từ ngày sản xuất.
- Ngày sản xuất và hạn dùng in trên vỏ hộp.
Không sử dụng quá 4 tuần kể từ ngày mở nắp hộp.

BẢO QUẢN

Bảo quản sản phẩm ở nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Không bảo quản sản phẩm trong tủ lạnh.

Đơn phân phối độc quyền bởi:
CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM QUỐC TẾ NAM HẢI MILK
ĐC: Bình Định, Yên Lạc, Vĩnh Phúc * Hotline: 092 68 04 666

Thương nhân chịu trách nhiệm và sản xuất:
CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG Y HỌC BIO ORGANIC
ĐC: Thôn Đồ Mỹ, Xã Bá Giáy, Huyện Ân Thi, Tỉnh Hưng Yên

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

Cách pha: 1 muỗng gạt pha với 60ml nước
1. Rửa ở nơi sạch sẽ. Rửa tay và dụng cụ pha thật sạch sẽ, dụng cụ pha trong vòng 5 phút. 2. Đun sôi nước sạch trong 5 phút, để nguội đến xuống 40 độ C trước khi pha.
3. Pha theo bảng hướng dẫn và sử dụng muỗng bằng cỡ sẵn trong lon.
4. Đậy nắp, lắc đều dụng cụ để tan hoàn toàn.

BẢNG HƯỚNG DẪN PHA

Bảng hướng dẫn pha chế:

- Một muỗng gạt ngang (tương đương 4,8g) pha với 60ml nước được 1 ly = 65ml

Lượng bột (Thìa)	Lượng nước (ml)	Số lần /ngày
4	300	4

Đậy nắp, lắc đều dụng cụ để tan hoàn toàn
Dùng vừa đủ cho mỗi lần dùng, pha lần sau 1 giờ trở đi.

SẢN XUẤT

Ngày sản xuất và hạn sử dụng xem ở đáy lon

Net.wt/KLT: 900g

SAIGONSTC
Hi-Tech Analytical Center

Công ty TNHH Khoa Học và Công Nghệ SÀI GÒN
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH KỸ THUẬT CAO SÀI GÒN
Phân tích kiểm tra chất lượng hàng hóa, nông thủy sản, thực phẩm, môi trường
Địa chỉ : 743/32 Hồng Bàng, F6, Q6, TP.HCM. MST: 0313500385
ĐT : 39600708, 39600709, Fax : 39600067

VILAS 943

BN: 210920-005/TTSG

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
Analytical Results

Mã số mẫu / *Sample ID*: **2109182**

Tên mẫu/ *Sample name*: **SẢN PHẨM DINH DƯỠNG BLEND KIDS CLOSTRUM ENSURE (Dành cho trẻ trên 18 tuổi)**

Khách hàng/ *Client* : **CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG Y HỌC BIO ORGANIC**

Địa chỉ /*Address* : **Thôn Đỗ Mỹ, Xã Bãi Sậy, Huyện Ân Thi, Tỉnh Hưng Yên**

Mô tả mẫu /*Sample description* : **Mẫu dạng bột đựng trong bao bì kín**

Nền mẫu /*Matrix* : **SẢN PHẨM DINH DƯỠNG BLEND KIDS CLOSTRUM ENSURE (Dành cho trẻ trên 18 tuổi)**

Số lượng mẫu/ *Number of sample*: **01**

Ngày nhận mẫu/*Date of sample received* : **20/09/2021**

Ngày hẹn trả kết quả/ *Date of results delivery*: **27/09/2021**

Mã số mẫu	Chỉ tiêu phân tích	Kết quả	LOD	Đơn vị	Phương pháp
2109182	Arsen (As) (*)(b)	KPH	0.05	mg/Kg	Ref. AOAC 2015.01
	Cadimi (Cd) (*)(b)	KPH	0.05	mg/Kg	Ref. AOAC 2015.01
	Thiếc (Sn)	KPH	0.05	mg/Kg	Ref. AOAC 2015.01
	Chì (Pb) (*)	KPH	0.02	mg/Kg	Ref. AOAC 2015.01
	Thủy ngân (Hg) (*)(b)	KPH	0.02	mg/Kg	Ref. AOAC 2015.01
	Melamin	KPH	1.0	mg/Kg	Ref. TCVN 9048-2012
	Aflatoxin M_1	KPH	0.025	µg/Kg	Ref. EN 15662 - 2018

SAIGONSTC
Hi-Tech Analytical Center

Công ty TNHH Khoa Học và Công Nghệ SÀI GÒN
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH KỸ THUẬT CAO SÀI GÒN
Phân tích kiểm tra chất lượng hàng hóa, nông thủy sản, thực phẩm, môi trường
Địa chỉ : 743/32 Hồng Bàng, F6, Q6, TP.HCM. MST: 0313500385
ĐT : 39600708, 39600709, Fax : 39600067

Mã số mẫu	Chỉ tiêu phân tích	Kết quả	LOD	Đơn vị	Phương pháp
2109182	Ochratoxin A	KPH	0.1	µg/Kg	Ref. EN 15662 - 2018
	Patulin	KPH	1.0	µg/Kg	Ref. EN 15662 - 2018
	Deoxynivalenol (DON)	KPH	100	µg/Kg	Ref. EN 15662 - 2018
	Zearalenone (ZON)	KPH	10	µg/Kg	Ref. EN 15662 - 2018
	Fumonisin	KPH	100	µg/Kg	Ref. EN 15662 - 2018
	Enterobacteriaceae (*)	KPH	10	CFU/g	ISO 21528 – 2:2017
	Staphylococci dương tính với *coagulase* (*)	KPH	10	CFU/g	TCVN 4830 – 1:2005
	Salmonella (*)	KPH	-	/25g	TCVN 10780-1:2017
	L.monocytogens	KPH	-	/25g	TCVN 7700 – 1:2007

Ghi chú/Note : Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử đã được mã hóa như trên/ The *results only valid for the sample encoded as above*
- Không được trích sao một phần kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty / *The results shall not be reproduced except in full , without the writen approval of the director*
- (*) Phương pháp được Vilas công nhận / *The method is accredited by Bureau of Accreditation (VILAS)*
- (a) Kết quả do nhà thầu phụ thực hiện / *The parametters tested by subcontractor*
- (b) Phòng thử nghiệm được chỉ định bởi Bộ Y Tế */Lab approved by Ministry of Health*
- LOD: Giới hạn phát hiện/ *Limit of detection.* KPH : không phát hiện/ *Not detected*

Giám Đốc
Director

CÔNG TY TNHH KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

TS. Phạm Kim Phương